

**Phụ lục II****DANH SÁCH GIẢNG VIÊN GIÁM SÁT, HỖ TRỢ HỌC TẬP KHÓA 47 (ĐỢT 3)**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-ĐHQN ngày tháng 01 năm 2026 Triển khai khóa học Phổ cập kỹ năng số cho sinh viên khóa 47 và 48 trên nền tảng quốc gia Bình dân học vụ số)

| TT | Họ và tên              | Lớp giám sát, hỗ trợ                  | Số lượng | Khoa                              |
|----|------------------------|---------------------------------------|----------|-----------------------------------|
| 1  | Đinh Thị Hồng Huyền    | Công nghệ thông tin K47A              | 63       | Khoa Công nghệ thông tin          |
| 2  | Phùng Văn Minh         | Công nghệ thông tin K47B              | 67       |                                   |
| 3  | Dương Hoàng Huyền      | Công nghệ thông tin K47C              | 63       |                                   |
| 4  | Lê Thị Kim Nga         | Công nghệ thông tin K47D              | 67       |                                   |
| 5  | Nguyễn Thị Loan        | Công nghệ thông tin K47E              | 67       |                                   |
| 6  | Võ Thị Mỹ              | Kỹ thuật phần mềm K47                 | 49       |                                   |
| 7  | Vũ Sơn Lâm             | Trí tuệ nhân tạo K47                  | 18       |                                   |
| 8  | Nguyễn Thị Thanh Hoa   | Giáo dục Tiểu học K47A                | 80       | Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non |
| 9  | Nguyễn Thị Phương Thảo | Giáo dục Tiểu học K47B                | 78       |                                   |
| 10 | Lê Thanh Bình          | Giáo dục Tiểu học K47C                | 78       |                                   |
| 11 | Phạm Thị Thu Hà        | Giáo dục Mầm non K47A                 | 60       |                                   |
| 12 | Đào Ngọc Hân           | Giáo dục Mầm non K47B                 | 60       |                                   |
| 13 | Hồ Ngọc Cường          | Giáo dục Thể chất K47                 | 23       | Khoa Giáo dục thể chất            |
| 14 | Đinh Quốc Việt         | Công nghệ kỹ thuật hoá học K47        | 18       | Khoa Khoa học Tự nhiên            |
| 15 | Diệp Thị Lan Phương    | Hoá học K47                           | 31       |                                   |
| 16 | Lê Duy Thanh           | Công nghệ thực phẩm K47A              | 46       |                                   |
| 17 | Đặng Thị Tố Nữ         | Công nghệ thực phẩm K47B              | 47       |                                   |
| 18 | Nguyễn Thị Liễu        | Công nghệ thực phẩm K47C              | 44       |                                   |
| 19 | Ngô Kim Khuê           | Nông học K47                          | 27       |                                   |
| 20 | Phạm Thị Hằng          | Quản lý đất đai K47A                  | 49       |                                   |
| 21 | Phạm Thị Hằng          | Quản lý đất đai K47B                  | 48       |                                   |
| 22 | Nguyễn Thị Tường Vi    | Quản lý tài nguyên và môi trường K47A | 42       |                                   |
| 23 | Phan Thị Lệ Thủy       | Quản lý tài nguyên và môi trường K47B | 40       |                                   |
| 24 | Ngô Thị Phương Trà     | Quản lý giáo dục K47                  | 50       | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn  |
| 25 | Phạm Thị Hồng Phú      | Tâm lý học Giáo dục K47               | 81       |                                   |

| TT | Họ và tên            | Lớp giám sát, hỗ trợ                   | Số lượng | Khoa                                              |
|----|----------------------|----------------------------------------|----------|---------------------------------------------------|
| 26 | Nguyễn Văn Nga       | Công tác xã hội K47                    | 75       |                                                   |
| 27 | Nguyễn Công Thành    | Đông phương học K47C                   | 64       |                                                   |
| 28 | Trương Thị Dương     | Đông phương học K47B                   | 27       |                                                   |
| 29 | Nguyễn Việt Cường    | Đông phương học K47A                   | 17       |                                                   |
| 30 | Lê Minh Kha          | Văn học K47                            | 71       |                                                   |
| 31 | Trần Thị Tú Nhi      | Việt Nam học K47                       | 69       |                                                   |
| 32 | Lê Thị Thanh Mỹ      | Kế toán K47A                           | 64       | Khoa Kinh tế và Kế toán                           |
| 33 | Trần Thu Vân         | Kế toán K47B                           | 67       |                                                   |
| 34 | Lê Xuân Quỳnh        | Kế toán K47C                           | 62       |                                                   |
| 35 | Lê Thị Mỹ Tú         | Kế toán K47D                           | 62       |                                                   |
| 36 | Trần Thị Yến         | Kế toán K47 (Chất lượng cao)           | 29       |                                                   |
| 37 | Trần Thị Bích Duyên  | Kiểm toán K47                          | 55       |                                                   |
| 38 | Sử Thị Thu Hằng      | Kinh tế K47A                           | 60       |                                                   |
| 39 | Nguyễn Thị Thùy Linh | Kinh tế K47B                           | 58       | Khoa Kỹ thuật và Công nghệ                        |
| 40 | Ngô Minh Khoa        | Kỹ thuật điện K47A                     | 68       |                                                   |
| 41 | Thân Văn Thông       | Kỹ thuật điện K47B                     | 67       |                                                   |
| 42 | Trần Bá Cảnh         | Kỹ thuật xây dựng K47A                 | 49       |                                                   |
| 43 | Phạm Văn Trục        | Kỹ thuật xây dựng K47B                 | 47       |                                                   |
| 44 | Phạm Hồng Thịnh      | Kỹ thuật điện tử - viễn thông K47      | 61       |                                                   |
| 45 | Phan Gia Trí         | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá K47 | 64       |                                                   |
| 46 | Nguyễn Quốc Hoàng    | Công nghệ kỹ thuật ô tô K47A           | 59       |                                                   |
| 47 | Nguyễn Văn Đông      | Công nghệ kỹ thuật ô tô K47B           | 60       |                                                   |
| 48 | Dương Trọng Chung    | Công nghệ kỹ thuật ô tô K47C           | 48       | Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước |
| 49 | Nguyễn Tuấn Anh      | Luật K47A                              | 65       |                                                   |
| 50 | Trịnh Thị Thắng      | Luật K47B                              | 64       |                                                   |
| 51 | Võ Thị Diễm Lệ       | Luật K47C                              | 57       |                                                   |
| 52 | Đào Bích Hạnh        | Quản lý nhà nước K47A                  | 49       |                                                   |
| 53 | Nguyễn Thị Ngân Loan | Quản lý nhà nước K47B                  | 51       | Khoa Ngoại ngữ                                    |
| 54 | Nguyễn Lê Tố Quyên   | Ngôn ngữ Anh K47A                      | 46       |                                                   |

| TT | Họ và tên             | Lớp giám sát, hỗ trợ                     | Số lượng | Khoa                                              |
|----|-----------------------|------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------|
| 55 | Nguyễn Hoài Dung      | Ngôn ngữ Anh K47B                        | 42       |                                                   |
| 56 | Nguyễn Thị Thanh Hà   | Ngôn ngữ Anh K47C                        | 45       |                                                   |
| 57 | Huỳnh Thị Thu Toàn    | Ngôn ngữ Anh K47D                        | 46       |                                                   |
| 58 | Bùi Thị Hương Giang   | Ngôn ngữ Anh K47E                        | 45       |                                                   |
| 59 | Nguyễn Thị Thu Hạnh   | Ngôn ngữ Anh K47F                        | 47       |                                                   |
| 60 | Trần Ngọc Tuyền       | Ngôn ngữ Anh K47G                        | 47       |                                                   |
| 61 | Hồ Phương Tâm         | Ngôn ngữ Trung Quốc K47A                 | 39       |                                                   |
| 62 | Hồ Thị Ngọc Hà        | Ngôn ngữ Trung Quốc K47B                 | 35       |                                                   |
| 63 | Khuru Thuận Vũ        | Sư phạm Sinh học K47                     | 20       | Khoa Sư phạm                                      |
| 64 | Võ Duy Đức            | Sư phạm Tiếng Anh K47A                   | 44       |                                                   |
| 65 | Võ Duy Đức            | Sư phạm Tiếng Anh K47B                   | 43       |                                                   |
| 66 | Trần Thị Quỳnh Lê     | Sư phạm Ngữ văn K47                      | 32       |                                                   |
| 67 | Nguyễn Thị Minh Vân   | Sư phạm Toán học K47                     | 20       |                                                   |
| 68 | Nguyễn Văn Đại        | Sư phạm Tin học K47A                     | 54       |                                                   |
| 69 | Nguyễn Thị Minh Vân   | Sư phạm Tin học K47B                     | 49       |                                                   |
| 70 | Dương Diệp Thanh Hiền | Sư phạm Vật lý K47                       | 18       |                                                   |
| 71 | Hồ Văn Toàn           | Sư phạm Lịch sử K47                      | 22       |                                                   |
| 72 | Bùi Thị Bảo Hạnh      | Sư phạm Địa lý K47                       | 19       |                                                   |
| 73 | Phan Thị Thành        | Giáo dục Chính trị K47                   | 23       |                                                   |
| 74 | Nguyễn Ngọc Minh      | Sư phạm Khoa học tự nhiên K47            | 17       |                                                   |
| 75 | Nguyễn Văn Phụng      | Sư phạm Lịch sử - Địa lý K47             | 32       |                                                   |
| 76 | Vũ Thị Nữ             | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K47A | 74       | Khoa Tài chính - Ngân hàng và Quản trị kinh doanh |
| 77 | Nguyễn Hà Thanh Thảo  | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K47B | 72       |                                                   |
| 78 | Đặng Thị Thanh Loan   | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng K47C | 69       |                                                   |
| 79 | Bùi Thị Thu Ngân      | Tài chính - Ngân hàng K47A               | 48       |                                                   |
| 80 | Trịnh Thị Thúy Hồng   | Tài chính - Ngân hàng K47B               | 43       |                                                   |

| TT | Họ và tên            | Lớp giám sát, hỗ trợ                     | Số lượng | Khoa                  |
|----|----------------------|------------------------------------------|----------|-----------------------|
| 81 | Lê Dzu Nhật          | Quản trị kinh doanh K47A                 | 67       |                       |
| 82 | Lê Việt An           | Quản trị kinh doanh K47B                 | 63       |                       |
| 83 | Bùi Thị Thu Ngân     | Quản trị kinh doanh K47C                 | 66       |                       |
| 84 | Nguyễn Hoàng Thịnh   | Quản trị kinh doanh K47D                 | 66       |                       |
| 85 | Nguyễn Hoàng Phong   | Quản trị khách sạn K47A                  | 65       |                       |
| 86 | Nguyễn Thị Huỳnh Nhã | Quản trị khách sạn K47B                  | 61       |                       |
| 87 | Nguyễn Bá Phước      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K47A | 77       |                       |
| 88 | Phạm Ngọc Ánh        | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K47B | 77       |                       |
| 89 | Nguyễn Tòng Xuân     | Toán ứng dụng K47                        | 47       | Khoa Toán và Thống kê |
| 90 | Cao Tấn Bình         | Khoa học dữ liệu K47                     | 14       |                       |

Danh sách có 90 lớp và tổng cộng 4579 sinh viên./.